

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HÒN ĐẤT  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án: 45/2022/DS-ST

Ngày: 25 - 5 - 2022

V/v “tranh chấp hợp đồng dân  
sự vay tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒ, TỈNH KG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Cẩm Tú.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Đoạt.

2. Bà Đinh Thị Phương Lan.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thành Minh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HỒ, tỉnh KG tham gia phiên tòa:**  
Không tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 38/2022/TLST - DS, ngày 10 tháng 02 năm 2022 về tranh chấp “Hợp đồng dân sự vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2022/QĐXXST-DS, ngày 19 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ngân hàng CS VN (Ngân hàng CS); địa chỉ trụ sở: Số 169 phố LĐ, phường HL, quận HM, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng CS:

- Ông Dương Quyết Th (Tổng Giám đốc) là người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng CS; vắng mặt.

- Ông Trần Quang T (Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng CS huyện HỒ, tỉnh KG), là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng CS theo Quyết định về việc ủy quyền tham gia tố tụng và thi hành án số 7300/QĐ-NHCS ngày 19/9/2019 của Tổng Giám đốc Ngân hàng CS; vắng mặt.

- Ông Trần Hoàng T1 (Phó Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng CS huyện HỒ), là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng CS theo Giấy ủy quyền số 32/QĐ-PGD ngày 25/4/2022; có mặt.

Địa chỉ Phòng giao dịch Ngân hàng CS huyện HĐ, tỉnh KG: Khu phố ĐH, thị trấn HĐ, huyện HĐ, tỉnh KG.

2. Bị đơn Ông Phạm Thanh D sinh năm 1962 và bà Nguyễn Thị B sinh năm 1962 và chị Phạm Thị Mai Tr sinh năm 1994; cùng địa chỉ: Khu phố đường Hòn, thị trấn Hòn Đất, huyện HĐ, tỉnh KG; vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện đề ngày 29/11/2021 người đại diện hợp pháp của Ngân hàng CS VN trình bày:*

Ông Phạm Thanh D và các thành viên có liên quan được Phòng giao dịch Ngân hàng CS huyện HĐ cho vay chương trình Học sinh sinh viên có hoàn cảnh khó khăn và hộ nghèo với số món vay cụ thể như sau:

Chương trình cho vay học sinh sinh viên, tên sinh viên Phạm Thị Mai Tr theo Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay được duyệt ngày 11/10/2012, dư nợ tính đến ngày 29/11/2021 nợ gốc là 32.000.000 đồng (đã chuyển nợ quá hạn), nợ lãi là 4.339.661 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 36.339.611 đồng. Lãi suất thỏa thuận 6,6%/ năm.

Cho vay theo chương trình hộ nghèo theo Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay được phê duyệt ngày 19/10/2017: Vốn gốc là 32.000.000 đồng, lãi suất trong hạn 0,55%/ tháng (6,6%/năm), lãi suất nợ quá hạn 130% lãi suất khi cho vay, thời hạn vay 36 tháng, kỳ hạn trả nợ 12 tháng/ lần, hạn trả nợ cuối cùng ngày 20/10/2020. Tính đến ngày 29/11/2021, ông D còn nợ gốc là 25.000.000 đồng, nợ lãi là 2.201.504 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 27.201.504 đồng.

Sau nhiều lần Ngân hàng và chính quyền địa phương, Hội Phụ nữ thông báo và mời lên làm việc, nhưng ông Phạm Thanh D và các thành viên liên quan vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Tại đơn khởi kiện ngày 29/11/2021, Ngân hàng CS yêu cầu ông Phạm Thanh D, bà Nguyễn Thị B, bà Phạm Thị Mai Tr trả tổng số tiền gốc và lãi là 63.541.115 đồng (tiền gốc 57.000.000 đồng, tiền lãi 6.541.115 đồng).

Tính đến ngày 25/5/2022, dư nợ gốc và lãi là 65.537.252 đồng, cụ thể: Đối với khoản vay sinh viên: gốc là 32.000.000 đồng, tiền lãi là 5.618.791 đồng, tổng gốc và lãi là 37.618.791 đồng; đối với khoản vay hộ nghèo: gốc là 25.000.000 đồng, tiền lãi là 2.918.461 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 27.918.461 đồng.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của Ngân hàng CS đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Phạm Thanh D, bà Nguyễn Thị B, chị Phạm Thị Mai Tr phải liên đới thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 25/5/2022 (dương lịch) đối với khoản vay học sinh sinh viên là 37.618.791 đồng và yêu cầu

ông D, bà B liên đới thanh toán cho Ngân hàng số tiền vay vốn gốc và lãi đối với khoản tiền vay theo chương trình hộ nghèo là 27.918.461 đồng.

Ngoài ra, yêu cầu ông D, bà B, chị Tr tiếp tục liên đới thanh toán tiền lãi theo thỏa thuận của các hợp đồng tính từ ngày 26/5/2022 (dương lịch) cho đến khi thanh toán xong tất cả các khoản nợ.

*Tại bản tự khai ngày 06/5/2022 bị đơn là ông Phạm Thanh D trình bày:*

Ông thừa nhận có vay tiền của Ngân hàng CS VN tại Phòng Giao dịch HĐ các khoản vay bao gồm:

Ngày 19/10/2012 vay cho học sinh sinh viên tên Phạm Thị Mai Tr (con gái ruột của ông) số tiền là 32.000.000 đồng. Khoản vay này ông vay cho con ông đi học nhưng nay cháu đã nghỉ học và đi học nghề, không phụ giúp ông trả tiền cho Ngân hàng.

Vay hộ nghèo 25.000.000 đồng từ ngày 20/10/2017, khoản vay này ông đứng ra vay về sử dụng trong gia đình và cho con ông mượn một ít.

Ông đồng ý trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nhưng hiện nay ông không có nghề nghiệp gì ổn định để tạo ra thu nhập trả tiền cho ngân hàng. Ông mong Ngân hàng và Tòa án xem xét cho ông thời hạn dài hơn để ông bán nhà trả nợ cho Ngân hàng.

Bị đơn là bà Nguyễn Thị B, chị Phạm Thị Mai Tr đã được tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án nhưng vẫn không gửi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã triệu tập bà B, chị Tr đến tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải đến lần thứ hai và triệu tập đến tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng bà B, chị Tr vẫn vắng mặt, không rõ lý do.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng:

Ngân hàng CS VN khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Phạm Thanh D, bà Nguyễn Thị B, chị Phạm Thị Mai Tr phải thanh toán nợ theo các khoản vay đã ký kết; ông D, bà B, chị Tr vay với tư cách cá nhân, không có đăng ký kinh doanh nên quan hệ tranh chấp của vụ án là tranh chấp “Hợp đồng dân sự vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng Dân sự (BLTTDS).

Các bị đơn có địa chỉ nơi cư trú tại thị trấn HĐ, huyện HĐ, tỉnh KG nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện HĐ, tỉnh KG.

Ông D, bà B, chị Tr đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy, sự vắng mặt của các đương sự không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của các đương sự và không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của Ngân hàng CS VN - Phòng giao dịch HD Chi nhánh KG và ông Phạm Thanh D xác định ông D có vay của Ngân hàng CS VN các khoản vay bao gồm:

Chương trình cho vay học sinh sinh viên, tên sinh viên Phạm Thị Mai Tr theo Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay được duyệt ngày 11/10/2012, dư nợ gốc tính đến ngày 06/5/2022 là 32.000.000 đồng, lãi suất trong hạn 0,65%/ tháng, lãi suất quá hạn 0,845%/tháng.

Cho vay theo chương trình hộ nghèo theo Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay được phê duyệt ngày 19/10/2017: Vốn gốc là 32.000.000 đồng, lãi suất trong hạn 0,55%/ tháng, lãi suất quá hạn 0,715%/tháng.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông D và các thành viên gia đình đã thanh toán được số tiền lãi tổng cộng là 21.018.149 đồng. Như vậy, việc ký kết các khoản vay giữa các đương sự là có thật, hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự (BLDS) năm 2015 nên các bên phải có nghĩa vụ thực hiện đúng các thỏa thuận theo hợp đồng ký kết.

Do đó, Ngân hàng CS VN yêu cầu các bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với các khoản vay đã ký kết là phù hợp với quy định tại Điều 466 của BLDS năm 2015 và phù hợp với các thỏa thuận đã ký kết nên được Hội đồng xét xử (HĐXX) chấp nhận. Ông D, bà B, chị Tr có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng CS VN vốn và lãi theo các khoản vay đã ký kết, cụ thể:

Ông Phạm Thanh D, bà Nguyễn Thị B, chị Phạm Thị Mai Tr phải liên đới thanh toán cho Ngân hàng CS VN số tiền gốc và lãi tính đến ngày 25/5/2022 (dương lịch) đối với khoản vay học sinh sinh viên là 37.618.791 đồng, bao gồm: vốn gốc 32.000.000 đồng, tiền lãi 5.618,791 đồng.

Ông D, bà B phải liên đới thanh toán cho Ngân hàng số tiền vay vốn gốc và lãi tính đến ngày 25/5/2022 (dương lịch) đối với khoản tiền vay theo chương trình hộ nghèo là 27.918.461 đồng, trong đó: vốn gốc 25.000.000 đồng, tiền lãi 2.918.461 đồng.

Ngoài ra, ông D, bà B, chị Tr phải tiếp tục liên đới thanh toán tiền lãi theo thỏa thuận của các hợp đồng tính từ ngày 26/5/2022 (dương lịch) cho đến khi thanh toán xong tất cả các khoản nợ.

[4] Về án phí: Áp dụng Điều 147, khoản 3 Điều 218 của BLTTDS; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Ngân hàng CS VN không phải nộp tiền tạm ứng án phí, không phải chịu án phí Tòa án theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 11 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

Ông Dung, bà B, chị Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 3, 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 68; Điều 147; Điều 218; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 266; Điều 269 và Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điểm c khoản 1 Điều 11, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

#### **Xử:**

**1.** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng CS VN đối với ông Nguyễn Thanh Dũng, bà Nguyễn Thị B, chị Phạm Thị Mai Tr.

Buộc ông Phạm Thanh D, bà Nguyễn Thị B, chị Phạm Thị Mai Tr phải liên đới thanh toán cho Ngân hàng CS VN số tiền gốc và lãi tính đến ngày 25/5/2022 (dương lịch) đối với khoản vay học sinh sinh viên là 37.618.791 đồng (Ba mươi bảy triệu sáu trăm mười tám nghìn bảy trăm chín mươi một đồng), bao gồm: vốn gốc 32.000.000 đồng (Ba mươi hai triệu đồng), tiền lãi 5.618,791 đồng (Năm triệu sáu trăm mười tám nghìn bảy trăm chín mươi một đồng).

Buộc ông D, bà B phải liên đới thanh toán cho Ngân hàng CS VN số tiền vay vốn gốc và lãi tính đến ngày 25/5/2022 (dương lịch) đối với khoản tiền vay theo chương trình hộ nghèo là 27.918.461 đồng (Hai mươi bảy triệu chín trăm mười tám nghìn bốn trăm sáu mươi một đồng), trong đó: vốn gốc 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng), tiền lãi 2.918.461 đồng (Hai triệu chín trăm mười tám nghìn bốn trăm sáu mươi một đồng).

Ngoài ra, ông D, bà B, chị Tr phải tiếp tục liên đới thanh toán tiền lãi theo thỏa thuận của các hợp đồng tính từ ngày 26/5/2022 (dương lịch) cho đến khi thanh toán xong tất cả các khoản nợ.

#### **2. Án phí:**

Ngân hàng CS VN không phải nộp tiền tạm ứng án phí, không phải chịu án phí Tòa án theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 11 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

Ông D, bà B, chị Tr phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch là:  $37.618.791 \text{ đồng} \times 5\% = 1.880.939 \text{ đồng}$ , làm tròn là 1.881.000 đồng (Một triệu tám trăm tám mươi một nghìn đồng).

Ông D, bà B phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch là:  $27.918.461 \text{ đồng} \times 5\% = 1.395.923 \text{ đồng}$ , làm tròn là 1.396.000 đồng (Một triệu ba trăm chín mươi sáu nghìn đồng).

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ; Viện kiểm sát có quyền kháng nghị bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Cơ quan Thi hành án huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã;
- Lưu.

(Đã ký tên và đóng dấu)

**Lê Cẩm Tú**